



TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM  
KON TUM COLLEGE



# CẨM NANG TƯ VẤN NGHỀ NGHIỆP & TUYỂN SINH NĂM 2026



*CDKT luôn mang đến cơ hội nghề nghiệp tốt nhất cho người học và cộng đồng*



TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

HOTLINE/ZALO: 0846864929 [HTTPS://CDKONTUM.EDU.VN](https://cdkontum.edu.vn) [HTTPS://TUYENSINH.CDKONTUM.EDU.VN](https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn)

[HTTPS://WWW.FACEBOOK.COM/KTCC.EDU.VN](https://www.facebook.com/ktcc.edu.vn)

## MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU .....	1
SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	1
THÔNG TIN CHUNG .....	2
1. Thời gian tuyển sinh .....	2
2. Đối tượng tuyển sinh .....	2
3. Đăng ký trực tuyến và hồ sơ đăng ký dự tuyển.....	3
4. Thời gian đào tạo .....	3
5. Chính sách đối cho người học với hình thức đào tạo chính quy .....	4
5.1. Chính sách miễn, giảm học phí .....	4
5.2. Chính sách học bổng .....	5
5.3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.....	6
5.4. Chính sách nội trú.....	7
5.5. Chính sách về trợ cấp xã hội .....	7
5.6. Chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng .....	8
5.7. Chính sách tín dụng.....	9
5.8. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện.....	9
5.9. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất.....	10
5.10. Chính sách về khởi nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm .....	10
B. DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TUYỂN SINH .....	12
I. Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.....	12
II. Trình độ cao đẳng - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp .....	12
III. Trình độ trung cấp - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp .....	13
V. Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp .....	15
VI. Tuyển sinh bồi dưỡng, đào tạo dưới 3 tháng.....	16
VII. Tuyển sinh và đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học .....	17
C. THÔNG TIN HỌC PHÍ, CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ (đối với người học cao đẳng, trung cấp hình thức đào tạo chính quy).....	19
I. Học phí .....	19
1. Mức học phí.....	19

2. Chính sách học phí .....	20
D. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TUYỂN SINH NĂM 2026 .....	20
1. Phương thức tuyển sinh .....	20
2. Đối tượng ưu tiên.....	21
2.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.....	21
2.2. Chính sách tuyển thẳng .....	23
2.3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng .....	25
2.4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.....	25
2.5. Chính sách ưu tiên theo khu vực .....	25
2.6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh .....	26
3. Quy định điểm sàn với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.....	26
4. Phương thức xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.....	27
5. Đợt tuyển sinh.....	27
E. THÔNG TIN NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ CƠ HỘI VIỆC LÀM.....	27
F. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG VÀ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM.....	33

## A. GIỚI THIỆU

- ✓ Tên trường: **Trường Cao đẳng Kon Tum**
- ✓ Tên tiếng Anh: ***Kon Tum College***
- ✓ Mã Trường: **C36**
- ✓ Loại Trường: **Công lập**
- ✓ Trình độ đào tạo: **Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.**
- ✓ **Địa chỉ:**
  - Trụ sở chính: Số 14 Ngụy Như Kon Tum, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi
  - Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm: Đường Võ Nguyên Giáp, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi
  - Khoa y - Dược: Số 347 Bà Triệu, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi
  - Khoa Kỹ thuật - Công nghệ và các Trung tâm: Đường Trương Vĩnh Ký, phường Đăk Bla, tỉnh Quảng Ngãi.
  - Website Trường: <https://cdkontum.edu.vn> - Website tuyển sinh: <https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn> - đăng ký tuyển sinh trực tuyến: <http://cdkt-tuyensinh.unisoft.edu.vn/>
- ✚ Email: [tuyensinh@cdkontum.edu.vn](mailto:tuyensinh@cdkontum.edu.vn)
- ✚ Fanpage/Zalo: Trường Cao đẳng Kon Tum
- ✚ Hotline: 0846.864929

### SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

✚ **Sứ mệnh:** Đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và Khu vực tam giác phát triển CLV thông qua đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung ứng dịch vụ chất lượng cao cho xã hội.

✚ **Tầm nhìn:** Phát triển Trường Cao đẳng Kon Tum trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, có uy tín, thương hiệu của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và quốc gia, đạt chuẩn quốc tế; đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành, nghề; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy.

✚ **Giá trị cốt lõi:** Nhân văn - Uy tín - Chất lượng - Hội nhập - Hiệu quả.

# Chọn Trường Cao đẳng Kon Tum

*Chắc tay nghề, vững tương lai!*

- ✓ Trên **90%** HSSV tốt nghiệp có việc làm
- ✓ **100%** HSSV được thực hành, thực tập tại doanh nghiệp
- ✓ Học phí thấp – Chính sách miễn, giảm, hỗ trợ theo quy định của Nhà nước



## THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thời gian tuyển sinh

- Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non:
  - + Hình thức đào tạo chính quy: Tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - + Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: Đợt 1 (tháng 4/2026); Đợt 2 (tháng 8/2026) và các đợt bổ sung khác (nếu còn chỉ tiêu).
- Các ngành, nghề giáo dục nghề nghiệp: Tuyển sinh liên tục trong năm (đến ngày 31/12/2026).

### 2. Đối tượng tuyển sinh

**2.1. Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

- + Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2026.
- + Xét học bạ lớp 12 có học lực xếp loại Khá trở lên **hoặc** điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên và hạnh kiểm các năm THPT đạt loại Tốt (đối với hình thức đào tạo chính quy).

**2.2. Nhóm ngành, nghề giáo dục nghề nghiệp: Xét tuyển.**

- a) Trình độ cao đẳng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- b) Trình độ trung cấp: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên.
- c) Trình độ sơ cấp: Người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

d) Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp:

- Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ trung cấp:
  - + Người có chứng chỉ sơ cấp, sơ cấp nghề cùng ngành, nghề và có bằng tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;
  - + Người có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp trung cấp thứ hai.
- Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ cao đẳng
  - + Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
  - + Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

### **3. Đăng ký trực tuyến và hồ sơ đăng ký dự tuyển**

**3.1. Đăng ký xét tuyển trực tuyến:** <http://cdkt-tuyensinh.unisoft.edu.vn>

#### **3.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

*a) Trình độ cao đẳng, trung cấp*

- Đơn đăng ký tuyển sinh;
- Học bạ THCS hoặc THPT hoặc bảng điểm thi THPT (bản sao có chứng thực);
- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- Căn cước/căn cước công dân (bản sao có chứng thực);

*b) Trình độ sơ cấp*

- Đơn đăng ký tuyển sinh;
- Căn cước/căn cước công dân;
- c) Đối với liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp*
  - Đơn đăng ký tuyển sinh;
  - Học bạ THCS hoặc THPT hoặc bảng điểm thi THPT (bản sao có chứng thực);
  - Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
  - Văn bằng tốt nghiệp sơ cấp/trung cấp/cao đẳng (bản sao có chứng thực);
  - Căn cước/căn cước công dân (bản sao có chứng thực).

### **4. Thời gian đào tạo**

- Trình độ cao đẳng: **Từ 2.5 đến 3 năm.**
- Trình độ trung cấp: **Từ 1.5 năm đến 2 năm** (đối với học sinh tốt nghiệp

THCS có nguyện vọng học liên thông lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp Trung cấp thì phải học thêm chương trình văn hóa là 01 năm)

- Trình độ sơ cấp: **Từ 3 - 6 tháng.**
- Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp: **Từ 1 năm đến 2 năm** (người học tích lũy đủ số lượng mô đun hoặc tín chỉ theo từng chương trình đào tạo).

## **5. Chính sách đối cho người học với hình thức đào tạo chính quy**

### **5.1. Chính sách miễn, giảm học phí**

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

#### **a) Đối tượng được miễn học phí**

- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Học sinh, sinh viên học là người khuyết tật.

- Người học từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển.

- Học sinh trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học.

- Học sinh, sinh viên học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Sinh viên học chuyên ngành Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ về quy định chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

- Người học thuộc đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.

- Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo

quy định.

- Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Đối tượng được giảm học phí

- Đối tượng được giảm 70% học phí, gồm:

+ Học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống.

+ Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định.

+ Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối tượng được giảm 50% học phí: Học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên..

c) Việc thực hiện các thủ tục miễn giảm học phí được quy định cụ thể tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

## **5.2. Chính sách học bổng**

Nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên phấn đấu, rèn luyện đạt kết quả cao trong học tập tại Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục quy định 02 loại học bổng đối với người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

a) Học bổng khuyến khích học tập:

- Đối tượng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập: Học sinh, sinh viên đang học các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp có kết quả học tập, rèn luyện từ loại Khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng.

- Mức học bổng khuyến khích học tập: (i) Học bổng loại Khá: Mức học bổng bằng hoặc cao hơn mức trần học phí hiện hành của ngành, chuyên ngành,

ngành mà người học đó phải đóng tại Trường do Hiệu trưởng quy định đối với người học có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại Khá trở lên. Đối với những ngành, nghề đào tạo không thu học phí thì áp dụng theo đơn giá được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho nhóm ngành, nghề đào tạo của trường; (ii) Học bổng loại Giỏi: Mức học bổng cao hơn loại khá do Hiệu trưởng quy định đối với người học có điểm trung bình chung học tập đạt loại Giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên; (iii) Học bổng loại Xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại Giỏi do Hiệu trưởng quy định đối với người học có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại Xuất sắc; (iv) Điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện quy định tại điểm (i), (ii) và (iii) khoản này được xác định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong đó điểm trung bình chung học tập để xét học bổng theo quy định tại Nghị định này được tính từ điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, trợ cấp xã hội, chính sách ưu đãi thì vẫn được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định.

b) Học bổng chính sách: Nhà nước cấp học bổng chính sách cho một số đối tượng ưu tiên nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên phấn đấu, rèn luyện nâng cao kết quả cao trong học tập. Đồng thời, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng ưu tiên, đối tượng thuộc nhóm yếu thế,... có cơ hội được học tập.

- Đối tượng được hưởng học bổng chính sách: Sinh viên theo chế độ cử tuyển; Người học dành cho thương binh, người khuyết tật.

- Mức hưởng học bổng chính sách: (i) Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng; (ii) Đối với người học là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

### ***5.3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người***

Chính sách được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách: Học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ó Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người).

b) Chính sách ưu tiên về tuyển sinh: Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được ưu tiên vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp theo nguyện vọng: (i) Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tuyển thẳng vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp. (ii) Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Chính sách hỗ trợ học tập:

- Mức hỗ trợ: Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.

- Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

#### **5.4. Chính sách nội trú**

Nhằm khuyến khích, hỗ trợ các đối tượng thuộc nhóm yếu thế được tham gia học tập, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp quy định cụ thể chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Bao gồm: Học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác (hỗ trợ đi lại; hỗ trợ chi phí học tập; tiền đi lại;...).

Đối tượng thụ hưởng chính sách: Người học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các đối tượng sau đây thì được hưởng chính sách nội trú theo quy định. Cụ thể: (i) Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật. (ii) Người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú. (iii) Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

#### **5.5. Chính sách về trợ cấp xã hội**

Chính sách về trợ cấp xã hội được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Theo đó, một số người học các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách: (1) Người học dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trường hợp người học đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (văn bằng thứ nhất) thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc khóa học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi. (2) Người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất. (3) Người học là khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật.

b) Mức trợ cấp xã hội: (i) Mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định hiện hành là 360.000 đồng/tháng. (ii) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số tương ứng theo quy định đối với từng đối tượng cụ

thẻ.

### **5.6. Chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng**

Theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

a) Đối tượng áp dụng: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

b) Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

<b>TT</b>	<b>Đối tượng được hưởng</b>	<b>Mức hưởng</b>
1.	Người khuyết tật	Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học
2.	Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học
3.	Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân	Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học
4.	Người thuộc hộ cận nghèo	Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học
5.	Người học là phụ nữ, lao động nông thôn	Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học
6.	Riêng ngư dân học các nghề: Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên	Được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo và thực hiện theo quy định của Chính phủ.

c) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:

TT	Đối tượng được hưởng	Mức hưởng
1.	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền ăn với mức 30.000 đồng/người/ngày thực học.</li> <li>- Tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học (nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên)</li> </ul>
2.	Người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

### **5.7. Chính sách tín dụng**

Nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho người học có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có cơ hội được học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngày 27/9/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Theo đó, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên, góp phần trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên trong thời gian theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn, ở, đi lại.

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách: Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: (i) Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động. (ii) Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ nghèo, Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo. (iii) Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học

b) Phương thức cho vay: (i) Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. (ii) Mức cho vay tối đa là 2.500.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên. (iii) Lãi suất cho vay là 0,5%/tháng.

### **5.8. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện**

Theo quy định của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm thì thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình

nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hỗ trợ đào tạo nghề.

- Điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội: (i) Có nhu cầu đào tạo nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. (ii) Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Nội dung và mức hỗ trợ đào tạo: (i) Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn. (ii) Vay vốn để tham gia đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. (iii) Được hỗ trợ tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp được cấp thẻ đào tạo nghề có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm đào tạo nghề và có giá trị sử dụng trong 01 năm kể từ ngày cấp.

### ***5.9. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất***

Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

a) Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề được hỗ trợ như sau:

- Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng: Được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

- Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí hỗ trợ được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

- Vay vốn theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

b) Người lao động bị thu hồi đất được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách hỗ trợ đào tạo nghề.

### ***5.10. Chính sách về khởi nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm***

Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho người học tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khả năng chủ động tìm việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp, Nhà nước có chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 (theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”).

**B. DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TUYỂN SINH****I. Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

<b>TT</b>	<b>Ngành, nghề đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển</b>
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	<p>Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát); (M04)</p> <p>Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M05)</p> <p>Ngữ văn, Toán, Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M06)</p> <p>Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M07)</p>

**II. Trình độ cao đẳng - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp**

<b>TT</b>	<b>Ngành, nghề đào tạo</b>	<b>Mã ngành, nghề</b>	<b>Tổ hợp xét tuyển</b>
1.	Kế toán	6340301	<p>Toán, Vật lí, Hóa học (A00)</p> <p>Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội (A12)</p> <p>Toán, Hóa học, Sinh học (B00)</p> <p>Toán, Sinh học, Tiếng Anh (B08)</p> <p>Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân (C14)</p> <p>Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</p> <p>Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh (D96)</p> <p>Toán, Vật lí, Tin học (X06)</p>
2.	Tiếng Anh	6220206	<p>Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)</p> <p>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)</p> <p>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)</p> <p>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)</p> <p>Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh (D66)</p> <p>Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh (X79)</p>
3.	Công tác xã hội	6760101	<p>Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)</p>
4.	Quản trị văn phòng	6340403	<p>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)</p> <p>Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)</p> <p>Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)</p> <p>Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh (D66)</p> <p>Ngữ văn, Lịch sử, Tin học (X71)</p> <p>Ngữ văn, Địa lí, Tin học (X75)</p>

TT	Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Tổ hợp xét tuyển
5.	Chăn nuôi	6620119	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)
6.	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	Toán, Sinh học, Hóa học (B00) Toán, Sinh học, Địa lí (B02)
7.	Lâm sinh	6620202	Toán, Sinh học, Ngữ văn (B03) Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật (X13)
8.	Dược*	6720201	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)
9.	Điều dưỡng*	6720301	Toán, Vật lí, Sinh học (A02)
10.	Hộ sinh*	6720303	Toán, Hoá học, Khoa học xã hội (A18) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Toán, Sinh học, Ngữ văn (B03) Toán, Sinh học, Giáo dục công dân (B04) Toán, Sinh học, Khoa học xã hội (B05) Ngữ văn, Vật lí, Sinh học (C06) Ngữ văn, Hóa học, Sinh học (C08) Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân (C14) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)
11.	Công nghệ ô tô	6510216	Toán, Vật lí, Hóa học (A00)
12.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*	6510303	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh (X27)
13.	Hàn*	6520123	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ công nghiệp (X54) Toán, Tin học, Công nghệ công nghiệp (X56)
14.	Công nghệ thông tin	6480201	Toán, Vật lí, Hóa học (A00) Toán, Ngữ văn, Tin học (X02) Toán, Vật lí, Tin học (X06)
15.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Toán, Tin học, Tiếng Anh (X26) Toán, Tin học, Công nghệ công nghiệp (X56) Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học (X57) Ngữ văn, Vật lí, Tin học (X59)

*Ghi chú: \* ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được giảm 70% học phí.*

### **III. Trình độ trung cấp - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp**

TT	Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Tổ hợp môn xét tuyển
1.	Tiếng Anh du lịch	5220217	Toán, Ngữ văn - lớp 9 hoặc lớp 12 Ngữ văn, Tiếng Anh - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, Tiếng Anh - lớp 9 hoặc lớp 12
2.	Pháp luật	5380101	Ngữ văn, Giáo dục công dân - lớp 9 Ngữ văn, Địa lí - lớp 9 Toán, Ngữ văn - lớp 9 Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và Pháp luật - lớp 12 Ngữ văn, Địa lí - lớp 12 Toán, Ngữ văn - lớp 12 Toán, Giáo dục kinh tế và Pháp luật - lớp 12
3.	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Toán, Khoa học tự nhiên - lớp 9 Toán, Tiếng Anh - lớp 9 Toán, Vật lí - lớp 12 Toán, Tiếng Anh - lớp 12 Toán, Địa lí - lớp 12 Toán, Giáo dục kinh tế và Pháp luật - lớp 12
4.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	Toán, Tin học - lớp 9 hoặc lớp 12
5.	Công nghệ thông tin	5480201	Toán, Vật lí - lớp 9 hoặc lớp 12
6.	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	Toán, Ngữ văn - lớp 9 Toán, Tiếng Anh - lớp 9 Ngữ văn, Giáo dục công dân - lớp 9
7.	Hướng dẫn du lịch*	5810103	Ngữ văn, Tiếng Anh - lớp 9 Toán, Ngữ văn - lớp 12 Toán, Tiếng Anh - lớp 12
8.	Trồng trọt	5620110	Toán, Khoa học tự nhiên - lớp 9 Toán, Sinh học - lớp 12
9.	Chăn nuôi - Thú y*	5620120	
10.	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	
11.	Lâm sinh	5620202	
12.	Công nghệ ô tô*	5510216	Toán, Vật lí - lớp 9 hoặc lớp 12
13.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*	5510303	Toán, Ngữ văn - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, Hóa học - lớp 9 hoặc lớp 12

TT	Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Tổ hợp môn xét tuyển
14.	Cắt gọt kim loại*	5520121	
15.	Hàn	5520123	
16.	Điện công nghiệp*	5520227	
17.	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện*	5520251	
18.	May thời trang*	5540205	

**Ghi chú:** \* Là ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại được giảm 70% học phí.

#### IV. Trình độ sơ cấp

TT	Ngành đào tạo	Ghi chú
1.	Tiếng Hàn Quốc	
2.	Du lịch cộng đồng	
3.	Nghiệp vụ lễ tân	
4.	Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp	
5.	Cô đỡ thôn bản	
6.	Nhân viên y tế thôn, làng	
7.	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	
8.	Hàn điện	
9.	Vận hành máy xúc	
10.	Vận hành máy nông nghiệp - Vận hành, sửa chữa máy nông nghiệp	
11.	Dệt thổ cẩm	
12.	Nề - Hoàn thiện	
13.	Cốt thép - Hàn	
14.	Kinh doanh vận tải đường bộ	
15.	Kỹ thuật chế biến món ăn	

#### V. Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

Liên thông giữa các ngành, nghề, trình độ đào tạo giáo dục nghề nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường (từ trung cấp lên cao đẳng, văn bằng thứ 2). Nhà trường tổ chức tuyển sinh, đào tạo

theo nhu cầu của người học và bảo đảm số lượng học viên tối thiểu/lớp (tối thiểu từ 15 người học trở lên).

### VI. Tuyển sinh bồi dưỡng, đào tạo dưới 3 tháng

TT	Nghề đào tạo	Ghi chú
1.	Chăn nuôi - Thú y - Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	
2.	Trồng cây công nghiệp - Trồng và chăm sóc cây cà phê	
3.	Kỹ thuật cây cao su - Cạo mủ cao su	
4.	Làm chổi đót	
5.	Chăm sóc sắc đẹp	
6.	May công nghiệp	
7.	Kỹ thuật pha chế đồ uống	
8.	Chế biến rượu cần	
9.	Chăm sóc cà phê vối	
10.	Trồng rau an toàn	
11.	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà	
12.	Trồng và chăm sóc sầu riêng	
13.	Trồng mía đường	
14.	Trồng lúa	
15.	Chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi	
16.	Trồng nấm rơm	
17.	Trang điểm thẩm mỹ	
18.	Du lịch Cộng đồng	
19.	Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài	
20.	Lái xe mô tô hạng A1	
21.	Lái xe ô tô hạng B (chuyển số cơ khí và chuyển số tự động)	

<b>TT</b>	<b>Nghề đào tạo</b>	<b>Ghi chú</b>
22.	Lái xe ô tô hạng C1	
23.	Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na (Bahnar)	

*Ngoài ra, nhà trường đào tạo các lớp thường xuyên khác theo nhu cầu của xã hội.*

### **VII. Tuyển sinh và đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học**

<b>TT</b>	<b>Ngành, nghề liên kết đào tạo</b>	<b>Hình thức tuyển sinh</b>
1.	Kế toán	Xét tuyển
2.	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển
3.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Xét tuyển
4.	Quản trị khách sạn	Xét tuyển
5.	Kỹ thuật cơ khí động lực	Xét tuyển
6.	Kỹ thuật ô tô	Xét tuyển
7.	Kỹ thuật điện	Xét tuyển
8.	Quản trị nhân lực	Xét tuyển
9.	Luật học	Xét tuyển
10.	Quản lý văn hóa	Xét tuyển
11.	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	Xét tuyển
12.	Kinh doanh xuất bản phẩm	Xét tuyển
13.	Bảo tàng học	Xét tuyển
14.	Văn hóa học	Xét tuyển
15.	Việt Nam học	Xét tuyển
16.	Công tác xã hội	Xét tuyển
17.	Lưu trữ học - Quản trị văn phòng	Xét tuyển
18.	Đô thị học	Xét tuyển

<b>TT</b>	<b>Ngành, nghề liên kết đào tạo</b>	<b>Hình thức tuyển sinh</b>
19.	Thông tin học	Xét tuyển
20.	Báo chí	Xét tuyển
21.	Công nghệ sinh học	Xét tuyển
22.	Công nghệ sau thu hoạch	Xét tuyển
23.	Khoa học môi trường	Xét tuyển
24.	Nông học	Xét tuyển
25.	Lâm sinh	Xét tuyển
26.	Quản lý đất đai	Xét tuyển
27.	Khoa học cây trồng	Xét tuyển
28.	Kỹ thuật cấp thoát nước	Xét tuyển
29.	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển
30.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao	Xét tuyển
31.	Nông nghiệp công nghệ cao	Xét tuyển
32.	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển
33.	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển
34.	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển
35.	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển
36.	Sư phạm Âm nhạc	Thi tuyển, kết hợp xét tuyển
37.	Sư phạm Mỹ thuật	Thi tuyển, kết hợp xét tuyển
38.	Sư phạm Toán học	Xét tuyển
39.	Sư phạm Sinh học	Xét tuyển
40.	Sư phạm tiếng Anh	Xét tuyển
41.	Sư phạm Ngữ văn	Xét tuyển
42.	Sư phạm Địa lý	Xét tuyển

TT	Ngành, nghề liên kết đào tạo	Hình thức tuyển sinh
43.	Giáo dục thể chất	Xét tuyển
44.	Sư phạm Hóa học	Xét tuyển
45.	Sư phạm Vật lý	Xét tuyển
46.	Sư phạm Kỹ thuật Công nghệ	Xét tuyển
47.	Sư phạm Sử học	Xét tuyển
48.	Sư phạm Tin học	Xét tuyển
49.	Công nghệ thông tin	Xét tuyển
50.	Xây dựng	Xét tuyển
51.	Y tế công cộng	Xét tuyển

### C. THÔNG TIN HỌC PHÍ, CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ (đối với người học cao đẳng, trung cấp hình thức đào tạo chính quy)

#### I. Học phí

##### 1. Mức học phí

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh, sinh viên

TT	Nhóm ngành, nghề	Năm học 2026-2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý; trong đó:	640.000
1.1	<i>Trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non (hệ đào tạo chính quy)<sup>1</sup></i>	950.000
1.2	<i>Trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non (hệ đào tạo vừa làm, vừa học)<sup>2</sup></i>	1.425.000
2	Khoa học, pháp luật và toán	730.000
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin, trong đó:	730.000

<sup>1</sup> Đối với các Chương trình đào tạo đã đạt chuẩn kiểm định mức học phí tối đa không quá 2,5 lần so với mức học phí quy định (trong trường hợp cụ thể này là 1,3 lần).

<sup>2</sup> Mức thu học phí hệ vừa làm, vừa học; đào tạo từ xa không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy (trong trường hợp cụ thể này là 150%).

<b>TT</b>	<b>Nhóm ngành, nghề</b>	<b>Năm học 2026-2027</b>
3.1	Công nghệ ô tô trình độ trung cấp (hệ đào tạo chính quy).	730.000
3.2	Công nghệ ô tô trình độ trung cấp (hệ đào tạo vừa làm, vừa học).	1.100.000
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	730.000
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y, trong đó:	640.000
	<i>Trồng trọt, trình độ trung cấp (hệ đào tạo chính quy)<sup>1</sup></i>	840.000
6	Sức khỏe	870.000
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	730.000

## **2. Chính sách học phí**

a) Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo chính quy (theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP):

- Mức hỗ trợ sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại Trường.

- Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại Trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học. Tổng kinh phí hỗ trợ của cả khóa học theo học chế tín chỉ không vượt quá mức hỗ trợ quy định cho khóa học theo năm học.

b) Đối tượng được miễn, giảm học phí: Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

## **D. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TUYỂN SINH NĂM 2026**

### **1. Phương thức tuyển sinh**

- Đối với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non xét tuyển: Phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi năng khiếu hoặc phương thức sử dụng kết quả học tập THPT (lớp 10, 11, 12) với thi năng khiếu đối với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

- Các ngành, nghề trình độ cao đẳng nhóm ngành, nghề GDNN: Xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc xét kết quả học tập cấp THPT (xét điểm học bạ lớp 12).

- Các ngành, nghề trình độ trung cấp: Xét học bạ lớp 9 (trừ các ngành, nghề nhóm ngành sức khỏe) và học bạ lớp 12. Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được làm tròn đến 2 chữ số thập

phân.

## **2. Đối tượng ưu tiên**

Đối tượng ưu tiên là những đối tượng thuộc nhóm ưu tiên sẽ được cộng điểm khi xét tuyển sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đối tượng ưu tiên trong xét tuyển được phân chia cụ thể:

### **2.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng**

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao

động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về

xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

## ***2.2. Chính sách tuyển thẳng***

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thê vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các giải thi đấu thể dục, thể thao từ

cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp thể dục, thể thao hoặc các ngành thể dục, thể thao của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi nghệ thuật từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ trung cấp của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hay xét tuyển vào trường.

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các xã nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

i) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

k) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

l) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

### ***2.3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng***

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng thể dục thể thao hoặc các ngành thể dục thể thao tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc được trường ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh vào trường.

d) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ của trường.

### ***2.4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh***

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của nhà trường.

### ***2.5. Chính sách ưu tiên theo khu vực***

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường

trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc xã nói trên;
- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;
- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các xã ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;
- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

### **2.6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh**

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10.

### **3. Quy định điểm sàn với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

Năm 2026, nhà trường tự xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, đảm bảo các điều kiện **quy định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào<sup>3</sup>** đối với

<sup>3</sup> Tổng điểm tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi/môn xét tuyển (không nhân hệ số, không cộng điểm ưu tiên)>= Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

#### **4. Phương thức xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

Học lực xếp loại Khá trở lên của năm lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên mới được xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non (Đối với phương thức xét học bạ).

Phương thức xét học bạ vào ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo chính quy xếp loại học lực của năm lớp 12 đạt từ loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên, học lực các năm cấp THPT đạt loại Tốt và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Đợt tuyển sinh**

Năm 2026, nhà trường thực hiện nhiều đợt tuyển sinh (tuyển sinh liên tục trong năm).

### **E.THÔNG TIN NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ CƠ HỘI VIỆC LÀM**

#### **1. Ngành Giáo dục Mầm non**

**Cơ hội việc làm:** Nhà trường giới thiệu việc làm cho sinh viên tại các cơ quan nhà nước quản lý giáo dục, các trường mầm non công lập và tư thục. Sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia thành lập trường tư thục mầm non hoặc làm việc trong các trung tâm bảo trợ xã hội, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan hành chính. Ngoài ra, sinh viên có thể tiếp tục học lên đại học, cao học hoặc bồi dưỡng quản lý giáo dục để làm công tác quản lý.

#### **2. Ngành, nghề Kế toán**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Kế toán có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức và đơn vị sự nghiệp như làm nhân viên kế toán tổng hợp, kế toán thuế, kế toán nội bộ, kế toán tiền lương hoặc thủ quỹ. Công việc bao gồm thu thập, xử lý số liệu, lập báo cáo tài chính và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định. Ngoài ra, có thể làm việc tại các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán hoặc tư vấn tài chính. Với kinh nghiệm và năng lực, người học có thể phát triển lên các vị trí kế toán trưởng, quản lý tài chính hoặc chuyên gia tư vấn, với nhu cầu nhân lực ổn định và cơ hội phát triển lâu dài.

#### **3. Ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức như làm nhân viên kế toán tổng hợp, kế toán thuế, kế toán tiền lương, kế toán bán hàng hoặc thủ quỹ. Công việc bao gồm ghi chép, xử lý số liệu, lập báo cáo tài chính và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định. Ngoài ra, có thể làm việc tại các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán hoặc tư vấn tài chính. Với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí kế toán trưởng, quản lý tài chính hoặc chuyên gia tư vấn, với nhu cầu nhân lực ổn định và cơ hội phát triển lâu dài.

#### **4. Ngành, nghề Lâm sinh**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Lâm sinh có nhiều cơ hội việc làm tại các ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia và cơ quan kiểm lâm như làm kỹ thuật viên trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; quản lý tài nguyên rừng, phòng chống cháy rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Ngoài ra, có thể tham gia các dự án phát triển lâm nghiệp, môi trường hoặc kinh doanh cây giống, lâm sản. Với kinh nghiệm và chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý, chuyên gia hoặc triển khai mô hình kinh tế rừng bền vững, với nhu cầu nhân lực ổn định và ý nghĩa xã hội cao.

### **5. Ngành, nghề Chăn nuôi**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Chăn nuôi có nhiều cơ hội việc làm tại các trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp chăn nuôi như làm kỹ thuật viên chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý đàn vật nuôi; tổ chức sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Ngoài ra, có thể làm việc trong lĩnh vực kinh doanh thức ăn chăn nuôi, con giống hoặc tham gia các chương trình khuyến nông. Với kinh nghiệm và kỹ năng, người học có thể phát triển lên quản lý trang trại hoặc tự xây dựng mô hình chăn nuôi riêng, với nhu cầu nhân lực ổn định và tiềm năng phát triển bền vững.

### **6. Ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y có nhiều cơ hội việc làm tại các trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi, cơ sở thú y, cơ quan quản lý nông nghiệp như làm kỹ thuật viên chăn nuôi, chăm sóc và quản lý đàn vật nuôi; nhân viên thú y thực hiện phòng, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi. Ngoài ra, có thể làm việc trong lĩnh vực kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi hoặc tham gia công tác kiểm dịch, kiểm soát dịch bệnh. Với kinh nghiệm và chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý trang trại, chuyên gia kỹ thuật hoặc tự khởi nghiệp, với nhu cầu nhân lực ổn định và tiềm năng phát triển cao.

### **7. Ngành, nghề Nông nghiệp công nghệ cao**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Nông nghiệp công nghệ cao có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ, trang trại thông minh, khu nông nghiệp công nghệ cao như làm kỹ thuật viên vận hành hệ thống tưới tự động, nhà kính, nhà màng, cảm biến môi trường; quản lý sản xuất nông nghiệp hiện đại; kiểm soát chất lượng nông sản. Ngoài ra, có thể tham gia nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Với kiến thức và kỹ năng, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý kỹ thuật, chuyên gia hoặc chủ trang trại công nghệ cao, với tiềm năng phát triển lớn và nhu cầu nhân lực ngày càng tăng.

### **8. Ngành, nghề Trồng trọt**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Trồng trọt có nhiều cơ hội việc làm tại các trang trại, hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và cơ quan khuyến nông như làm kỹ thuật viên trồng trọt, chăm sóc

cây trồng, quản lý sản xuất nông nghiệp, kiểm soát chất lượng nông sản. Ngoài ra, có thể tham gia nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật hoặc kinh doanh vật tư nông nghiệp. Với kiến thức và kinh nghiệm, người học có thể phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao hoặc tự khởi nghiệp, với nhu cầu nhân lực ổn định và tiềm năng phát triển bền vững.

### ***9. Ngành, nghề Pháp luật***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Pháp luật có nhiều cơ hội việc làm tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, doanh nghiệp và văn phòng luật như làm nhân viên pháp chế, tư vấn pháp luật, văn thư – lưu trữ hoặc hỗ trợ công tác hành chính, pháp lý. Ngoài ra, có thể làm việc tại tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý. Với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí chuyên viên pháp lý, quản lý hoặc tiếp tục học nâng cao để trở thành luật sư, với nhu cầu nhân lực ổn định và cơ hội phát triển lâu dài.

### ***10. Ngành, nghề Hướng dẫn du lịch***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Hướng dẫn du lịch có nhiều cơ hội việc làm tại các công ty lữ hành, khu du lịch, điểm tham quan, di tích lịch sử – văn hóa như làm hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế, thuyết minh viên tại các điểm du lịch. Ngoài ra, có thể làm nhân viên điều hành tour, tổ chức sự kiện du lịch hoặc làm việc trong lĩnh vực dịch vụ – khách sạn. Với kỹ năng giao tiếp, kiến thức văn hóa và ngoại ngữ, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý tour, điều hành du lịch hoặc làm việc trong môi trường quốc tế với thu nhập hấp dẫn.

### ***11. Ngành, nghề Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn***

**Cơ hội việc làm:** Sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn người học có nhiều cơ hội việc làm trong môi trường dịch vụ năng động như làm nhân viên phục vụ nhà hàng, nhân viên pha chế (Bartender/Barista), nhân viên lễ tân, nhân viên phục vụ buồng tại các khách sạn, resort, nhà hàng và trung tâm hội nghị. Sau thời gian tích lũy kinh nghiệm, người học có thể thăng tiến lên các vị trí giám sát nhà hàng hoặc quản lý quầy bar với mức thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp cao, ổn định và bền vững.

### ***12. Ngành, nghề Tiếng Anh du lịch***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Tiếng Anh du lịch có nhiều cơ hội việc làm trong lĩnh vực du lịch – dịch vụ như làm hướng dẫn viên du lịch quốc tế, nhân viên điều hành tour, lễ tân khách sạn, nhân viên chăm sóc khách hàng tại các công ty lữ hành, khu du lịch, resort. Ngoài ra, có thể làm biên – phiên dịch trong lĩnh vực du lịch hoặc làm việc tại các doanh nghiệp có khách hàng nước ngoài. Với khả năng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp tốt, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý, điều hành hoặc làm việc trong môi trường quốc tế với thu nhập hấp dẫn.

### ***13. Ngành, nghề Tiếng Anh***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Tiếng Anh có nhiều cơ hội việc làm trong môi trường hội nhập quốc tế như làm nhân viên văn phòng, thư ký, trợ lý đối ngoại, nhân viên chăm sóc khách hàng, nhân viên kinh doanh tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; làm hướng dẫn viên du lịch, nhân viên lễ tân tại khách sạn, khu du lịch; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ. Ngoài ra, người học còn có thể đảm nhiệm các công việc biên – phiên dịch cơ bản hoặc tiếp tục học lên để nâng cao trình độ, mở rộng cơ hội nghề nghiệp và phát triển lâu dài.

#### ***14. Ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính có nhiều cơ hội việc làm tại các công ty công nghệ, trung tâm bảo hành, cửa hàng máy tính và doanh nghiệp như làm kỹ thuật viên lắp ráp, cài đặt, bảo trì và sửa chữa máy tính, laptop, thiết bị ngoại vi; nhân viên hỗ trợ kỹ thuật (IT Support) hoặc quản trị hệ thống cơ bản. Ngoài ra, có thể kinh doanh dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy tính. Với kinh nghiệm và tay nghề, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý kỹ thuật hoặc chuyên sâu về hệ thống, với nhu cầu tuyển dụng ổn định và thu nhập khá.

#### ***15. Ngành, nghề Công nghệ thông tin***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ thông tin có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước như làm lập trình viên, kỹ thuật viên phần mềm, quản trị mạng, quản trị hệ thống, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật, thiết kế website hoặc phát triển ứng dụng. Ngoài ra, có thể làm việc trong lĩnh vực chuyên đổi số, an toàn thông tin hoặc gia công phần mềm. Với năng lực và kinh nghiệm, người học có thể phát triển lên các vị trí chuyên gia, quản lý dự án CNTT hoặc làm việc từ xa cho các doanh nghiệp quốc tế, với thu nhập cao và nhu cầu nhân lực rất lớn.

#### ***16. Ngành, nghề Công tác xã hội***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Công tác xã hội có nhiều cơ hội việc làm tại các cơ quan nhà nước, trung tâm bảo trợ xã hội, tổ chức phi chính phủ, trường học, bệnh viện và cộng đồng như làm nhân viên công tác xã hội, tư vấn – hỗ trợ các đối tượng yếu thế (trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn). Công việc bao gồm tư vấn tâm lý, kết nối dịch vụ xã hội, hỗ trợ giải quyết các vấn đề cộng đồng và triển khai các chương trình an sinh xã hội. Với kinh nghiệm và chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý, điều phối dự án hoặc chuyên gia trong lĩnh vực công tác xã hội, với ý nghĩa nhân văn cao và nhu cầu nhân lực ngày càng tăng.

#### ***17. Ngành, nghề Quản trị văn phòng***

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Quản trị văn phòng có nhiều cơ hội việc làm tại các cơ quan hành chính, doanh nghiệp, tổ chức như làm nhân viên văn thư – lưu trữ, thư ký, trợ lý, nhân viên hành chính – nhân sự, quản lý hồ sơ và công tác văn phòng. Công việc bao gồm soạn thảo văn bản, quản lý thông tin, tổ chức công việc và hỗ trợ điều hành hoạt động của đơn vị. Với kinh

nghiệm và kỹ năng, người học có thể phát triển lên các vị trí trưởng bộ phận hành chính, quản lý văn phòng hoặc trợ lý lãnh đạo, với môi trường làm việc ổn định và nhu cầu tuyển dụng cao.

### **18. Ngành, nghề Điều dưỡng**

**Cơ hội nghề nghiệp:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Điều dưỡng có nhiều cơ hội việc làm tại các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, cơ sở chăm sóc sức khỏe và viện dưỡng lão như làm điều dưỡng viên chăm sóc người bệnh, thực hiện y lệnh của bác sĩ, theo dõi tình trạng sức khỏe và hỗ trợ phục hồi chức năng. Ngoài ra, có thể làm việc tại các tổ chức y tế cộng đồng hoặc tham gia chăm sóc sức khỏe tại gia đình. Với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí điều dưỡng trưởng, quản lý hoặc làm việc ở thị trường quốc tế, với nhu cầu nhân lực cao và thu nhập ổn định.

### **19. Ngành, nghề Hộ sinh**

**Cơ hội nghề nghiệp:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Hộ sinh có nhiều cơ hội việc làm tại các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám sản phụ khoa như làm nữ hộ sinh chăm sóc thai phụ trước, trong và sau sinh; hỗ trợ bác sĩ trong quá trình sinh nở; chăm sóc sức khỏe mẹ và trẻ sơ sinh. Ngoài ra, có thể làm việc tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe cộng đồng hoặc tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe sinh sản. Với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí phụ trách chuyên môn, quản lý hoặc tiếp tục học nâng cao, với nhu cầu nhân lực ổn định và ý nghĩa xã hội cao.

### **20. Ngành, nghề Dược**

**Cơ hội nghề nghiệp:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Dược có nhiều cơ hội việc làm tại các nhà thuốc, quầy thuốc, bệnh viện, trung tâm y tế, công ty dược phẩm như làm nhân viên bán thuốc, tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; tham gia bảo quản, cấp phát thuốc hoặc kiểm soát chất lượng dược phẩm. Ngoài ra, có thể làm nhân viên kinh doanh, phân phối thuốc hoặc trình dược viên tại các doanh nghiệp dược. Với kinh nghiệm và chứng chỉ hành nghề, người học có thể tự mở quầy thuốc, phát triển lên các vị trí quản lý hoặc chuyên môn sâu, với thu nhập ổn định và nhu cầu nhân lực cao trong xã hội.

### **21. Ngành, nghề Công nghệ ô tô**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ ô tô có nhiều cơ hội việc làm tại các gara, trung tâm bảo dưỡng – sửa chữa ô tô, đại lý hãng xe, nhà máy lắp ráp và các doanh nghiệp vận tải như làm kỹ thuật viên chẩn đoán, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống động cơ, điện – điện tử ô tô, kiểm định chất lượng xe. Ngoài ra, có thể làm nhân viên tư vấn dịch vụ, kinh doanh ô tô hoặc quản lý kỹ thuật tại các cơ sở dịch vụ. Với tay nghề và kinh nghiệm, người học có thể phát triển lên các vị trí trưởng nhóm kỹ thuật, quản lý xưởng hoặc tự mở gara ô tô, với thu nhập ổn định và nhu cầu nhân lực cao.

### **22. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật

điện, điện tử có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất, nhà máy, khu công nghiệp, công ty điện – điện tử và tự động hóa như làm kỹ thuật viên lắp đặt, vận hành, bảo trì và sửa chữa các thiết bị điện, điện tử, hệ thống điều khiển và tự động hóa. Ngoài ra, có thể làm nhân viên kỹ thuật tại các công ty viễn thông, điện lực, doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử hoặc tham gia thiết kế, kiểm tra và quản lý chất lượng sản phẩm. Với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, người học có thể phát triển lên các vị trí quản lý kỹ thuật, trưởng nhóm hoặc chuyên gia trong lĩnh vực điện – điện tử, với thu nhập ổn định và nhu cầu nhân lực cao.

### **23. Ngành, nghề Điện công nghiệp**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Điện công nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, công ty sản xuất và lắp đặt hệ thống điện như làm công nhân lắp đặt, vận hành, bảo trì và sửa chữa hệ thống điện công nghiệp, điện dân dụng, tủ điện, hệ thống tự động hóa. Ngoài ra, có thể làm kỹ thuật viên điện, nhân viên quản lý, giám sát hệ thống điện hoặc tham gia thi công các công trình điện. Với tay nghề và kinh nghiệm, người học có thể phát triển lên các vị trí tổ trưởng, quản lý kỹ thuật hoặc tự kinh doanh dịch vụ điện, với thu nhập ổn định và nhu cầu tuyển dụng cao.

### **24. Ngành, nghề Vận hành điện trong nhà máy thủy điện**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Vận hành điện trong nhà máy thủy điện có nhiều cơ hội việc làm tại các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, trạm biến áp và các doanh nghiệp sản xuất, truyền tải điện như làm nhân viên vận hành thiết bị điện, giám sát hệ thống điện, kỹ thuật viên bảo trì, sửa chữa và xử lý sự cố. Ngoài ra, có thể làm việc tại các công ty điện lực, khu công nghiệp hoặc đơn vị quản lý năng lượng. Với kinh nghiệm và chuyên môn vững, người học có thể phát triển lên các vị trí trưởng ca vận hành, quản lý kỹ thuật hoặc chuyên gia hệ thống điện, với thu nhập ổn định và nhu cầu nhân lực cao.

### **25. Ngành, nghề Cắt gọt kim loại**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Cắt gọt kim loại có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp cơ khí, chế tạo máy, khu công nghiệp và nhà máy sản xuất như làm công nhân vận hành máy tiện, phay, bào, mài, CNC; nhân viên kỹ thuật gia công cơ khí chính xác; nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm cơ khí. Với tay nghề vững và kinh nghiệm thực tiễn, người học có thể phát triển lên các vị trí tổ trưởng sản xuất, kỹ thuật viên, quản lý phân xưởng hoặc tự mở cơ sở gia công cơ khí, với thu nhập ổn định và nhu cầu tuyển dụng cao trên thị trường lao động.

### **26. Ngành, nghề Hàn**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề Hàn có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp cơ khí, xây dựng, đóng tàu, kết cấu thép và các khu công nghiệp như làm thợ hàn điện, hàn TIG, MIG, MAG; công nhân lắp ráp và gia công kim loại; nhân viên kỹ thuật hàn và kiểm tra chất lượng mối hàn. Với tay nghề cao và kinh nghiệm thực tế, người học có thể phát triển lên các vị trí tổ trưởng, giám sát kỹ thuật, quản lý sản xuất hoặc tham gia làm việc ở thị trường

lao động quốc tế, với thu nhập ổn định và nhu cầu tuyển dụng lớn.

### **27. Ngành, nghề May thời trang**

**Cơ hội việc làm:** Người học tốt nghiệp ngành, nghề May thời trang có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp may mặc, xưởng sản xuất, công ty thời trang như công nhân may công nghiệp, kỹ thuật may, thiết kế mẫu, cắt may và hoàn thiện sản phẩm. Ngoài ra, có thể làm nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS), tổ trưởng chuyên may hoặc quản lý sản xuất. Với tay nghề vững và khả năng sáng tạo, người học còn có thể tự mở cửa hàng may, thiết kế và kinh doanh thời trang, mang lại thu nhập ổn định và cơ hội phát triển lâu dài.

## **F. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG VÀ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM**

Nhà trường phối hợp với các công ty; doanh nghiệp trên địa bàn trong; ngoài tỉnh và hợp tác với các công ty nước ngoài về cung ứng nguồn nhân lực giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi ra Trường. Mục tiêu của nhà trường giới thiệu cho 100% học sinh, sinh viên sau khi ra trường có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo.

**MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM**

**Hotline: 0846.864929**

Website: <https://cdkontum.edu.vn> ; <https://tuyensinh.cdkontum.edu.vn>

Email: [tuyensinh@cdkontum.edu.vn](mailto:tuyensinh@cdkontum.edu.vn)

Fanpage Facebook: Trường Cao đẳng Kon Tum